

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI NĂM**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 15-9-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Diệp Duy và bà Mai Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36A/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T; chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K (Văn bản ủy quyền đề ngày 31/12/2024); Địa chỉ: Số C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1974 (Đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F Y, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Thanh H1, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D Y, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024 và trong quá trình xét xử, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày.*

Vào ngày 27/4/2022, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K và ông Nguyễn Quang T1, bà Hoàng Thị Thanh H (bên được cấp tín dụng) và bà Hoàng Thị Thanh H1 (bên bảo đảm) cùng ký kết Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202226619961. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng với mức hạn mức

là 1.100.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ. Hợp đồng tín dụng được sửa đổi, bổ sung vào các ngày 22/5/2023, 08/12/2023, 21/5/2024, có điều chỉnh hạn mức cấp tín dụng là 1.400.000.000 đồng.

Ngân hàng đã 02 lần giải ngân tiền vay cho ông T1, bà H. Lần 01: Ngày 23/12/2024, giải ngân số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 06 tháng là 6,9%/năm, thời hạn cho vay là 06 tháng, ngày đến hạn là ngày 23/6/2025. Lần 02: Ngày 24/01/2025, giải ngân số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 06 tháng đầu là 6,9%/năm, thời hạn cho vay là 06 tháng, ngày đến hạn là ngày 24/7/2025.

Ngoài ra, ngày 23/01/2025, bà Hoàng Thị Thanh H có làm Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (dành cho thẻ tín dụng/thẻ tích hợp) và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 20 triệu đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Bà H chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng. Ngày 05/7/2024, ông Nguyễn Quang T1 có làm Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (dành cho thẻ tín dụng/thẻ tích hợp) và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 15 triệu đồng. Đến ngày 06/12/2024, ông T1 có Giấy đề nghị nâng hạn mức là 30 triệu đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.600.000 đồng. Ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 3.600.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng, bà Hoàng Thị Thanh H1 đã ký kết với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K 02 Hợp đồng thế chấp tài sản:

+ Ngày 29/4/2022, Ngân hàng và bà H1 ký Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 201/2022/HĐTC (được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 70/2023/TTSĐBSHĐTC ngày 22/5/2023). Bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16), diện tích 749,5m², địa chỉ thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 233308, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 03/01/2010 mang tên ông Võ Văn N và bà Đoàn Thị Thanh T2; Đăng ký biến động ngày 28/10/2021: Chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Thanh H1).

+ Ngày 11/12/2023, Ngân hàng và bà H1 ký Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 283/2023/HĐTC. Bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 933, tờ bản đồ số 15, diện tích 733,9m², địa chỉ Tỉnh lộ 671, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 230304, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 12/11/2021 mang tên bà Hoàng Thị Thanh H1).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi đến hạn, dẫn đến tình trạng nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1, bà H vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền. Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc:

1/ + Ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2022) tổng cộng là **1.470.473.884** đồng. Trong đó, 1.400.000.000 đồng tiền gốc, 43.081.830 đồng tiền lãi trong hạn và 27.392.055 đồng tiền lãi quá hạn.

+ Ông Nguyễn Quang T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Thẻ tín dụng ký kết ngày 05/7/2024) tổng cộng là **35.450.466** đồng. Trong đó, 32.210.049 đồng tiền gốc và 3.240.417 đồng tiền lãi quá hạn.

+ Bà Hoàng Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Thẻ tín dụng ký kết ngày 23/01/2025) tổng cộng là **25.304.918** đồng. Trong đó, 22.987.148 đồng tiền gốc và 2.317.770 đồng tiền lãi quá hạn.

Ông T1, bà H còn phải thanh toán toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi ông bà thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

2/ Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 201/2022/HĐTC ngày 29/4/2022 (được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 70/2023/TTSĐBSHĐTC ngày 22/5/2023) và Hợp đồng thế chấp tài sản số 283/2023/HĐTC ngày 11/12/2023 và đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ trong trường hợp ông T1, bà H không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền theo cam kết, thỏa thuận.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng: Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải chịu.

**Bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thanh H1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông T1, bà H và bà H1 không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Hoàng Thị Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thanh H1 dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông T1, bà H, bà H1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 280, 299, 320, 323, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc:

1/ Ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ngày 27/4/2022) tổng cộng là **1.470.473.884**. Trong đó, 1.400.000.000 đồng tiền gốc, 43.081.830 đồng tiền lãi trong hạn và 27.392.055 đồng tiền lãi quá hạn.

2/ Ông Nguyễn Quang T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Thẻ tín dụng ký kết ngày 05/7/2024) tổng cộng là **35.450.466** đồng. Trong đó, 32.210.049 đồng tiền gốc và 3.240.417 đồng tiền lãi quá hạn.

3/ Bà Hoàng Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền (phát sinh từ Thẻ tín dụng ký kết ngày 23/01/2025) tổng cộng là **25.304.918** đồng. Trong đó, 22.987.148 đồng tiền gốc và 2.317.770 đồng tiền lãi quá hạn.

Ông T1, bà H còn phải thanh toán toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi ông bà thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trường hợp ông T1, bà H không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H có nơi cư trú tại đường Y, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi) thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị đơn ông Nguyễn Quang T1, bà Hoàng Thị Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thanh H1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông T1, bà H và bà H1 không có văn bản trình bày ý kiến và không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, ông T1, bà H và bà H1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202226619961, ngày 27/4/2022 (sửa đổi, bổ sung các ngày 22/5/2023, 08/12/2023, 21/5/2024), thấy rằng: Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K có cấp tín dụng cho ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H, bên bảo đảm là bà Hoàng Thị Thanh H1, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn kinh doanh. Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã

02 lần giải ngân tiền vay cho ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H. Cụ thể:

+ Lần 01: Ngày 23/12/2024, giải ngân số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 06 tháng là 6,9%/năm, thời hạn cho vay là 06 tháng, ngày đến hạn là ngày 23/6/2025 (Theo Giấy nhận nợ (áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD2435800548, ngày 23/12/2024).

+ Lần 02: Ngày 24/01/2025, giải ngân số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 06 tháng đầu là 6,9%/năm, thời hạn cho vay là 06 tháng, ngày đến hạn là ngày 24/7/2025. (Theo Giấy nhận nợ (áp dụng cho vay theo phương thức hạn mức) số LD2502400199, ngày 24/01/2025).

Ngoài ra, ngày 23/01/2025, bà Hoàng Thị Thanh H có làm Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (dành cho thẻ tín dụng/thẻ tích hợp) và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 20 triệu đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Bà H chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tổng số tiền bà H phải thanh toán phát sinh từ thẻ tín dụng này là **25.304.918** đồng (Trong đó, 22.987.148 đồng tiền gốc và 2.317.770 đồng tiền lãi quá hạn). Ngày 05/7/2024, ông Nguyễn Quang T1 có làm Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân (dành cho thẻ tín dụng/thẻ tích hợp) và được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 15 triệu đồng. Đến ngày 06/12/2024, ông T1 có Giấy đề nghị nâng hạn mức là 30 triệu đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.600.000 đồng. Ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 3.600.000 đồng. Tổng số tiền ông T1 phải thanh toán phát sinh từ thẻ tín dụng này là **35.450.466** đồng (Trong đó, 32.210.049 đồng tiền gốc và 3.240.417 đồng tiền lãi quá hạn).

Xét thấy, các hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh K và bà Hoàng Thị Thanh H1 đã ký kết 02 Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản). Cụ thể:

+ Ngày 29/4/2022, ký Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 201/2022/HĐTC (được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 70/2023/TTSDBSHĐTC ngày 22/5/2023). Bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16), diện tích 749,5m², địa chỉ thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 233308, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 03/01/2010 mang tên ông Võ Văn N và bà Đoàn Thị Thanh T2; Đăng ký biến động ngày 28/10/2021: Chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Thanh H1).

+ Ngày 11/12/2023, ký Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 283/2023/HĐTC. Bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 933, tờ bản đồ số 15, diện tích 733,9m², địa chỉ Tỉnh lộ 671, xã Đ, thành phố

K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 230304, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 12/11/2021 mang tên bà Hoàng Thị Thanh H1).

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi đối với Ngân hàng, dẫn đến tình trạng nợ quá hạn. Căn cứ vào các Điều 280 và 466 của Bộ luật Dân sự, thấy rằng, ông T1, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ, đúng thời gian, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận với Ngân hàng. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, theo thỏa thuận của các bên.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, các Điều 280 và 466 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

+ Đối với nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng (áp dụng cho phương thức hạn mức) số 202226619961, ngày 27/4/2022 (sửa đổi, bổ sung các ngày 22/5/2023, 08/12/2023, 21/5/2024): Ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tổng cộng là **1.470.473.884**. Trong đó, 1.400.000.000 đồng tiền gốc, 43.081.830 đồng tiền lãi trong hạn và 27.392.055 đồng tiền lãi quá hạn.

+ Đối với nghĩa vụ phát sinh từ các Thẻ tín dụng: Ông Nguyễn Quang T1 phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tổng cộng là **35.450.466** đồng (Trong đó, 32.210.049 đồng tiền gốc và 3.240.417 đồng tiền lãi quá hạn). Bà Hoàng Thị Thanh H phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tổng cộng là **25.304.918** đồng (Trong đó, 22.987.148 đồng tiền gốc và 2.317.770 đồng tiền lãi quá hạn).

Ông T1, bà H còn phải thanh toán toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi ông bà thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trường hợp ông T1, bà H không trả đúng, đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP S thì theo quy định tại các Điều 298, 299, 317 và 323 Bộ luật Dân sự, tài sản thế chấp tại: Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 201/2022/HĐTC ngày 29/4/2022 (được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 70/2023/TTSDBSHĐTC ngày 22/5/2023) và Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 283/2023/HĐTC ngày 11/12/2023 sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng các Điều 280, 298, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S, đơn đề ngày 03/4/2024.

Xử:

1. Về số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng: Buộc ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là **1.470.473.884** (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bốn*) đồng. Trong đó, 1.400.000.000 (*Một tỷ, bốn trăm triệu*) đồng tiền gốc, 43.081.830 (*Bốn mươi ba triệu, không trăm tám mươi một nghìn, tám trăm ba mươi*) đồng tiền lãi trong hạn và 27.392.055 (*Hai mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm*) đồng tiền lãi quá hạn.

2. Về số tiền nợ phát sinh từ Thẻ tín dụng:

Buộc ông Nguyễn Quang T1 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là **35.450.466** (*Ba mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu*) đồng. Trong đó, 32.210.049 (*Ba mươi hai triệu, hai trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi chín*) đồng tiền gốc và 3.240.417 (*Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm mười bảy*) đồng tiền lãi quá hạn.

Buộc bà Hoàng Thị Thanh H trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là **25.304.918** (*Hai mươi lăm triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm mười tám*) đồng. Trong đó, 22.987.148 (*Hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi tám*) đồng tiền gốc và 2.317.770 (*Hai triệu, ba trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi*) đồng tiền lãi quá hạn.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP S thì các tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S, gồm:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 201/2022/HĐTC ngày 29/4/2022 (được sửa đổi, bổ sung theo Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 70/2023/TTSDBSHĐTC ngày 22/5/2023) là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16), diện tích 749,5m², địa chỉ thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 233308, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 03/01/2010 mang tên ông Võ Văn N và bà Đoàn Thị Thanh T2; Đăng ký biến động ngày 28/10/2021: Chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị Thanh H1).

+ Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số 283/2023/HĐTC ngày 11/12/2023 là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 933, tờ bản đồ số 15, diện tích 733,9m², địa chỉ Tỉnh lộ 671, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 230304, do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 12/11/2021 mang tên bà Hoàng Thị Thanh H1).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải liên đới chịu **56.114.216** (Năm mươi sáu triệu, một trăm mười bốn nghìn, hai trăm mười sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang T1 còn phải chịu **1.772.523** (Một triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị Thanh H còn phải chịu **1.265.245** (Một triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S **27.764.040** (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm bốn mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000432 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ các Điều 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Quang T1 và bà Hoàng Thị Thanh H phải chịu **1.500.000** đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng tại Tòa án nên ông T1 và bà H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S **1.500.000** (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2025), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Trường hợp người có quyền kháng cáo nêu trên vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng